



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG



DDCI
HẢI PHÒNG

2020





ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÓM TẮT

Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR
dưới đây:



DDCI
HẢI PHÒNG





LỜI CẢM ƠN

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2020 là công trình đánh giá thực tiễn về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng. Công ty CP Tư vấn về Quản lý Kinh tế (Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về xây dựng bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2020, phối hợp với Cục Thống kê thành phố Hải Phòng thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 và xây dựng báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo UBND thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành tại Hải Phòng, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện DDCI tại Hải Phòng.

Báo cáo này sẽ không thể hoàn thành nếu như không có những đóng góp quan trọng của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng. Toàn bộ công tác điều tra, khảo sát trực tiếp tại các địa phương được thực hiện bởi nhóm điều tra viên của Cục Thống kê trên cơ sở phương pháp luận, bộ công cụ và phần mềm do Economica xây dựng và cung cấp. Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra ở từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn những nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về mặt phương pháp luận từ các chuyên gia Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về mặt nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các cơ quan khác trong quá trình xây dựng phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	3
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG	5
1.1. DDCI - Sự cần thiết và những điểm mới	5
1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu.....	7
CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH	9
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI Sở, ban, ngành .	9
2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương	9
CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH 12	
3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	12
3.2. Hồ sơ DDCI cấp Sở, ban, ngành	16
CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG 29	
4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương	29
4.2. Hồ sơ DDCI cấp địa phương.....	30

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. DDCI - Sự cần thiết và những điểm mới

Sự cần thiết của việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cấp Sở, ban, ngành và địa phương

Những năm qua, việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho các cơ sở kinh tế luôn được thành phố Hải Phòng coi trọng và trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Đặc biệt vào năm 2020, trên cơ sở chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) áp dụng cho cấp tỉnh, thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 240/KH-UBND về việc triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2020. Đây là một trong những sáng kiến giúp thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trên toàn thành phố. Mục tiêu cuối cùng của Kế hoạch này chính là tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng dân doanh, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Hải Phòng. Hơn thế nữa, điểm đổi mới và toàn diện hơn là cách tiếp cận toàn diện tới các vấn đề phát triển bao trùm (chuyển đổi số, xã hội, môi trường sinh thái...), từ đó, đưa ra những giải pháp toàn diện với mục đích “không ai bị bỏ lại phía sau” nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Việc đánh giá DDCI là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn ra phức tạp, nền kinh tế chịu nhiều tác động, đặt ra rất nhiều thách thức không chỉ cho cộng đồng doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), hộ kinh doanh (HKD) mà còn đối với cả hệ thống chính quyền trước bài toán cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính, chính sách phù hợp, kịp thời và hiệu quả theo hướng bền vững hơn, giảm tác động tiêu cực từ những cú “sốc” như vậy. Kết quả đánh giá DDCI sẽ là một trong những công cụ hữu hiệu để đưa ra bức tranh chung về môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố, là đầu vào cho những đánh giá, cải thiện chính sách sau này.

DDCI và những điểm mới

DDCI hướng tới mục tiêu chính là nâng cao chất lượng quản lý và điều hành kinh tế tại cấp Sở, ban, ngành và địa phương. DDCI dựa trên quan điểm nền tảng là cộng đồng dân doanh kỳ vọng như thế nào đối với các cơ quan chính quyền, cụ thể là các cơ quan chính quyền cấp địa phương, các Sở, ban, ngành trong công tác quản lý và điều hành kinh tế. Một số điểm mới được trình bày dưới đây:



Phát triển bền vững và bao trùm

Các yếu tố về phát triển bền vững, bao trùm cũng được xây dựng và lồng ghép bổ sung trong phương pháp luận DDCI về các vấn đề chuyển đổi số, xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống. Điều này được thể hiện qua sự đồng tình của phần lớn các DN, HTX, HKD về việc các cơ quan chính quyền đã chú trọng các vấn đề trên trong quá trình quản lý, điều hành kinh tế và tin tưởng cao về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan trong quá trình chuyển đổi số.

Tác động của dịch Covid-19

Trong khảo sát DDCI của Hải Phòng đã đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng dân doanh cũng như cảm nhận của các DN, HTX, HKD về sự hỗ trợ của chính quyền tại thành phố. Kết quả cho thấy tác động tiêu cực của dịch Covid-19 lên đa số các cơ sở và các lĩnh vực kinh tế. Các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh được đánh giá đã có hiệu quả song mức độ tiếp cận còn hạn chế và chưa đạt kì vọng của cộng đồng dân doanh.

Tính năng động và tiên phong

Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng có 2 chỉ số thành phần là tính năng động và hiệu lực của cơ quan chính quyền và vai trò của người đứng đầu nhằm đánh giá hiệu quả thực thi, sự năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề cho cộng đồng dân doanh. DDCI Hải Phòng 2020 cũng nhấn mạnh vào một số vấn đề đang được Hải Phòng và nhiều địa phương quan tâm như hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi giải quyết/chủ trương và việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan. Kết quả khảo sát cho thấy các DN, HTX, HKD nhận định các hiện tượng trên không quá phổ biến ở các cơ quan.

Ứng dụng CNTT trong quá trình triển khai DDCI

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và Internet cho việc triển khai DDCI cũng được tăng cường nhằm đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng, khả năng khai thác dữ liệu DDCI thuận tiện và giảm dần chi phí triển khai. Phương pháp luận được cải tiến cũng cho phép sử dụng các ứng dụng CNTT và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai DDCI, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc triển khai, thực hiện, khai thác và sử dụng kết quả DDCI, phục vụ cho công tác điều hành, lập kế hoạch cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương và qua đó nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.



1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu

1.2.1. Hệ thống chỉ số thành phần và các chỉ tiêu trong DDCI

DDCI Hải Phòng được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) bộ chỉ số DDCI cấp địa phương.

Các chỉ số thành phần của DDCI

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 9 chỉ số cốt lõi như sau:

1. *Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép**
2. *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*
3. *Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành*
4. *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật*
5. *Chi phí không chính thức.*
6. *Cạnh tranh bình đẳng*
7. *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*
8. *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý*
9. *Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành*

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 10 chỉ số cốt lõi như sau:

1. *Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép***
2. *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*
3. *Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương*
4. *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật*
5. *Chi phí không chính thức*
6. *Cạnh tranh bình đẳng*
7. *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*
8. *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (ANTT)*
9. *Vai trò của người đứng đầu ở địa phương*
10. *Tiếp cận đất đai*

*, **: Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng, chỉ số “gia nhập thị trường và cấp phép” được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các thủ tục mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng kí thành lập, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng kí lao động, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường... Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế chung và được sử dụng nhiều trong các phương pháp đánh giá như chỉ số “khởi sự kinh doanh” trong báo cáo Doing business của World Bank, chỉ số “gia nhập thị trường” trong báo cáo PCI của VCCI, chỉ số “khởi sự doanh nghiệp” trong báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

1.2.2. Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI 2020

Báo cáo DDCI Hải Phòng năm 2020 là kết quả điều tra năm đầu tiên tại thành phố, đã ghi nhận sự tham gia của 2.511 cơ sở kinh tế với 1.661 mẫu cấp Sở, ban, ngành (phần lớn đối tượng tham gia là các DN/HTX trong đó, DN chiếm chủ yếu 94,28%, còn lại 5,72% là HTX và HKD) và 850 mẫu cấp địa phương (đối tượng chính là các HKD). Các DN, HTX, HKD được lựa chọn điều tra theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra. Tuy nhiên, với phương pháp chọn mẫu khoa học và đảm bảo nguyên tắc thống kê, kết quả DDCI Hải Phòng vẫn phản ánh tiếng nói chung cho các DN, HTX, HKD trên địa bàn thành phố về chất lượng điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương.

DDCI Hải Phòng 2020 được phối hợp thực hiện bởi UBND thành phố Hải Phòng - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố chủ trì, Cục Thống kê thành phố thực hiện điều tra khảo sát. Economica Vietnam là đơn vị tư vấn chuẩn bị các công tác chuẩn bị, xử lý số liệu, phân tích, xếp hạng và viết báo cáo.



CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI Sở, ban, ngành

Một năm sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn đã khiến tình hình sản xuất kinh doanh của DN/HTX trên địa bàn thành phố có phần ảm đạm khi chỉ có 44,49% DN/HTX có lãi. Tỷ lệ DN/HTX kinh doanh ở mức hòa vốn là 16,34%. Trong khi đó, tỷ lệ thua lỗ cũng ở mức cao với 39,17%, trong đó tỷ lệ DN/HTX thua lỗ lớn là 10,65% và thua lỗ chút ít là 28,52%.

Dữ liệu DDCI 2020 cho thấy phần lớn (69,08%) các DN/HTX khảo sát vẫn thận trọng khi tiếp tục hoạt động với quy mô hiện tại. Mặc dù vậy những tín hiệu khả quan về triển vọng kinh doanh trong vòng 1-2 năm tới vẫn được truyền đi khi có tới 22,74% DN/HTX có dự định mở rộng quy mô kinh doanh. Tỷ lệ DN/HTX phải giảm quy mô hoặc đóng cửa là 8,17% với 6,17% DN/HTX sẽ giảm nhẹ quy mô và 2% sẽ có dự định đóng cửa.

Nhận định chung về môi trường đầu tư, kinh doanh, theo đại diện của các DN/HTX trong khảo sát thì chất lượng quản lý và điều hành kinh tế của các cơ quan cấp Sở, ban, ngành tại thành phố đã có cải thiện (chiếm 90,21% số lượng người trả lời). Ngoài ra, phần lớn các DN/HTX tham gia khảo sát DDCI cho biết các Sở, ban, ngành đã chú ý tới các vấn đề về xã hội, môi trường sinh thái và các giá trị văn hóa truyền thống với tỷ lệ đồng thuận cao khoảng 98%.

Tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả khảo sát cho thấy 87,84% DN/HTX cho biết họ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh. Tuy nhiên, cũng giống như khu vực HKD, một số DN/HTX cũng chuyển những thách thức này thành cơ hội khi có tới 7,86% DN/HTX tham gia trả lời nhận được tác động tích cực từ dịch bệnh và có hướng đi mới trong sản xuất kinh doanh.

Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động

Trong số các nhóm doanh nghiệp, đối tượng chịu ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn cả là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ với tỷ lệ là 88,75%, tiếp theo là các DN/HTX ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng với 86,9%, tỷ lệ này ở lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản thấp hơn một chút là 76,08%.

2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương

Trải qua một năm với nhiều biến động lớn từ thiên tai, dịch bệnh (đại dịch Covid-19) đã ảnh hưởng không nhỏ tới phần lớn các HKD, nhìn chung hiệu quả sản xuất kinh doanh chủ yếu là có lãi (47,22%). Cụ thể, 45,21% các HKD cho biết có lãi chút ít và chỉ 2,01% báo có lãi như mong muốn. Trong khi đó, cũng có tới



35,26% HKD thua lỗ, gồm 24,73% HKD thua lỗ chút ít trong năm qua, đặc biệt có tới 10,53% HKD có mức thua lỗ lớn và chỉ có 17,51% HKD ở mức hòa vốn.

Dưới tác động lớn của dịch Covid-19, triển vọng sản xuất kinh doanh trong vòng 1-2 năm tới của các HKD tham gia khảo sát nhìn chung vẫn khá thận trọng. Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 ghi nhận 7,90% HKD sẽ phải cắt giảm quy mô và 2,83% HKD đóng cửa do áp lực kinh doanh lớn. Trong khi đó có tới 77,13% HKD còn “dè dặt” và an toàn tiếp tục kinh doanh với quy mô như hiện tại nhưng cũng có 12,14 HKD mở rộng quy mô. Cụ thể, 10,14% HKD tự tin mở rộng quy mô trong năm tới và 2% HKD mạnh dạn chuyển đổi sang mô hình DN.

Kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương cũng ghi nhận có tới 89,95% HKD đánh giá chất lượng hoạt động quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền đã có cải thiện, chỉ có 7,45% HKD cho rằng không có cải thiện. Bên cạnh đó, đa số các HKD cũng đồng ý rằng chính quyền địa phương đã chú trọng đến các yếu tố vấn đề xã hội như bình đẳng giới, nhóm người yếu thế, phát triển bền vững, bao trùm và đảm bảo cân bằng các yếu tố môi trường, sinh thái, các giá trị văn hóa, truyền thống trong quá trình điều hành của mình. Điều này cho thấy những nỗ lực của các cơ quan chính quyền địa phương trong thời gian qua đã được cộng đồng HKD ghi nhận và đánh giá tích cực.

Tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo kết quả khảo sát trong DDCI cấp địa phương 2020, báo cáo ghi nhận 84,06% hoạt động của các HKD chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19. Tuy vậy vẫn có 4,72% HKD duy trì hoạt động bình thường và nhận định không chịu ảnh hưởng trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Bên cạnh những khó khăn chung, 10,74% HKD nhận ra tác động tích cực và 0,47% tìm thấy những cơ hội, hướng đi mới sau thời gian qua.

Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động

Xét theo lĩnh vực hoạt động, chịu tác động tiêu cực nặng nề nhất là các HKD thuộc nhóm lĩnh vực thương mại - dịch vụ với 85,96% tổng số HKD khảo sát, tiếp theo là lĩnh vực công nghiệp - xây dựng với tỉ lệ chịu tác động tiêu cực là 81,97%, các HKD trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có tỉ lệ thấp hơn là 70,15%.

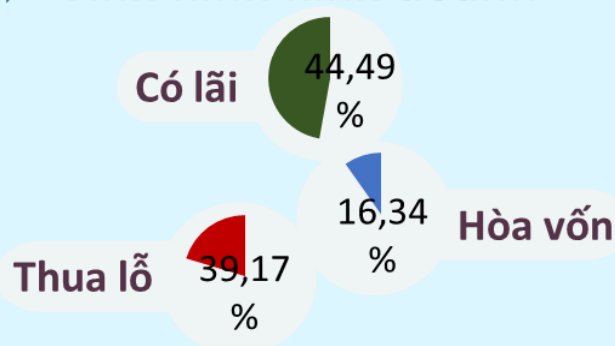


DDCI HẢI PHÒNG 2020

TÌNH HÌNH VÀ TRIỂN VỌNG KINH DOANH

DDCI **SỞ, BAN, NGÀNH**

→ Tình hình kinh doanh



87,84%

Chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19



DV-TM chịu tác động tiêu cực **cao nhất (88,75%)**

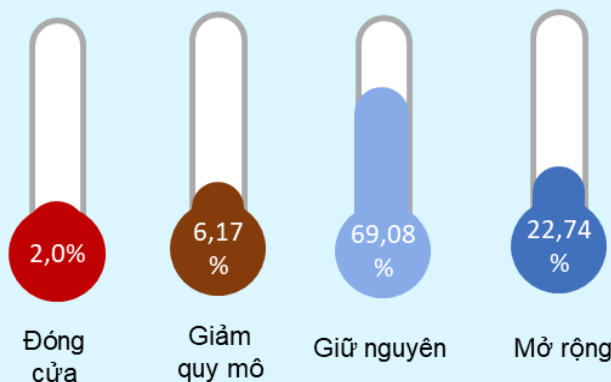
→ Chủ DN



Nữ: 32,0%

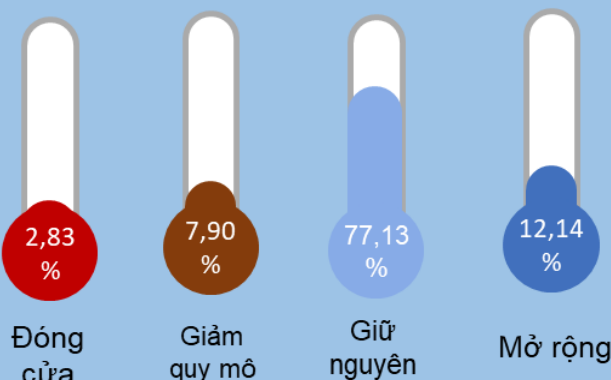
Nam: 68,0%

→ Triển vọng kinh doanh

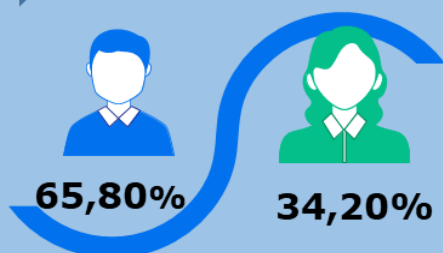


DDCI **CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

→ Triển vọng kinh doanh



→ Chủ HKD



Tình hình kinh doanh



47,22%
Có lãi



35,26%
Thua lỗ



84,06%

Chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19



DV-TM chịu tác động tiêu cực **cao nhất (85,96%)**

CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành

Song song với đánh giá và xếp hạng DDCI cấp địa phương, DDCI Sở, ban, ngành được xây dựng nhằm đánh giá và chấm điểm theo chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ công của từng Sở, ban, ngành cung cấp cho DN/HTX. DDCI không đánh giá toàn bộ các chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành mà đánh giá theo lĩnh vực chính có liên quan trực tiếp tới DN/HTX. Cách đánh giá này đem nhiều lợi thế về lựa chọn mẫu điều tra khảo sát, đánh giá Sở, ban, ngành toàn diện hơn đồng thời cũng có tính dự báo, sẵn sàng thích ứng với các thay đổi và cải cách có thể của bộ máy chính quyền thành phố đang diễn ra.

Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh Sở, ban, ngành tại Hải Phòng được tổng hợp từ điểm số của 9 chỉ số thành phần (CSTP). Điểm số của mỗi CSTP lại được tổng hợp từ hệ thống các chỉ tiêu. Điểm số của các CSTP và các chỉ tiêu cũng được chuẩn hóa trên thang điểm 10. Sau đó điểm số DDCI Sở, ban, ngành sẽ tiếp tục được quy chuẩn theo thang điểm 100 để thuận lợi cho việc xếp hạng cũng như thấy rõ được sự cạnh tranh của các Sở, ban, ngành được đánh giá. Biểu đồ 4.1 thể hiện điểm số và xếp hạng của các Sở, ban, ngành trên thang điểm 100.

Kết quả xếp hạng cho thấy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) đứng đầu xếp hạng DDCI Sở, ban, ngành 2020 với 77,49 điểm. Chỉ cách vị trí đứng đầu 0,02 điểm là Sở Du lịch với 77,47 điểm. Ngay tiếp sau đó là sự bám đuổi khá gay gắt của 5 Sở nằm trong biên độ điểm 76 điểm gồm: Sở Y tế đạt 76,87 điểm ở vị trí thứ 3, Sở Văn hóa và Thể thao (VH&TT) với 76,77 điểm ở vị trí thứ 4, Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đứng ở vị trí thứ 5 khi đạt 76,07 điểm, 76,01 điểm là điểm số của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) - Chi nhánh Hải Phòng ở vị trí thứ 6. Tiếp theo là các Sở, ban, ngành cạnh tranh ở mức điểm 75 điểm: Sở Tài chính (75,8 điểm), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) (75,62 điểm), Sở Công Thương (75,31 điểm) và Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) (75,0). Còn lại là các Sở, ban, ngành có mức điểm thấp hơn trung vị: Cục Hải quan thành phố (74,54 điểm), Ban Quản lý Khu kinh tế (BQL KKT) Hải Phòng (73,97 điểm), Bảo hiểm xã hội thành phố (BHXH) (73,83 điểm), Sở Xây dựng (73,73 điểm), Cục Thuế thành phố (73,72 điểm), Sở Giao thông Vận tải (GTVT) (72,87 điểm), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) (72,63 điểm), Công an thành phố (72,13 điểm) và Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) (71,84 điểm). Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đứng ở vị trí cuối khi chỉ đạt 70,09 điểm. Một điểm thú vị là chênh lệch điểm số giữa đơn vị đầu bảng và cuối bảng không quá lớn, chỉ cách nhau 7,4 điểm, giữa các Sở, ban, ngành phổ biến trong khoảng 0,01 điểm - 0,3 điểm. Điều này cho thấy sự cạnh tranh, bám đuổi sát sao giữa các Sở, ban, ngành. Tuy nhiên trong năm tới nếu Sở, ban, ngành nào có



nhiều cải thiện hơn thì điểm số và xếp hạng sẽ hứa hẹn tạo ra nhiều hoán đổi bất ngờ.

Trên bình diện chung toàn thành phố, điểm số DDCI Sở, ban, ngành ghi nhận ở mức điểm “khá” với 74,66 điểm, góp phần khẳng định thêm nhận xét chung của các DN/HTX trên địa bàn thành phố trong năm qua. Đó là phần lớn các Sở, ban, ngành đều có những nỗ lực cải thiện nhất định trong việc tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi hơn cho cộng đồng DN/HTX trên địa bàn thành phố. Trong 10 CSTP, chỉ số chi phí không chính thức được các DN/HTX ghi nhận đã cắt giảm đáng kể khi đạt kết quả điểm số cao nhất với 8,16 điểm và là chỉ số duy nhất đạt mức đánh giá “tốt”. Trong khi đó, các chỉ số cần đẩy mạnh cải thiện trong thời gian tới là tính minh bạch và ứng dụng CNTT (7,05 điểm), hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD) (7 điểm) và gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép (6,87 điểm) khi chưa đáp ứng được kì vọng từ cộng đồng DN/HTX.

Các điểm chính trong công tác điều hành kinh tế ở các Sở, ban, ngành

Những chỉ số đạt kết quả tốt: chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, vai trò người đứng đầu ở Sở, ban, ngành, chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và tuân thủ pháp luật, hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí.

- Chi phí không chính thức: Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành cho thấy mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở các Sở, ban, ngành ở mức thấp. Chi phí này cũng có xu thế giảm với tỉ lệ DN/HTX đánh giá giảm là 81,07%.
- Cạnh tranh bình đẳng: Phần lớn các DN/HTX tham gia trả lời khảo sát đồng tình cao về việc các Sở, ban, ngành đối xử công bằng, không phân biệt trong việc tiếp cận với các nguồn lực, cơ hội kinh doanh.
- Vai trò của người đứng đầu: Đa số các DN/HTX đều đồng ý về các nhận định lãnh đạo tại các Sở, ban, ngành đã chủ động, tích cực trong công tác điều hành, lắng nghe và có hành động cụ thể giải quyết các khó khăn, vướng mắc cũng như tham gia vào hoạt động đối thoại.
- Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật: Những nỗ lực, sáng kiến nhằm cắt giảm chi phí thời gian thực hiện TTHC được các DN/HTX ghi nhận. Song, dường như kì vọng của các DN/HTX về việc cắt giảm chi phí thời gian cao hơn nên có tới 60,69% DN/HTX cho rằng chi phí thời gian bỏ ra ở mức “bình thường, hợp lí”.
- Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí: Tỉ lệ các DN/HTX đánh giá về việc thực hiện chính sách, văn bản pháp luật hiệu quả do các Sở, ban, ngành triển khai đạt 59,54%.

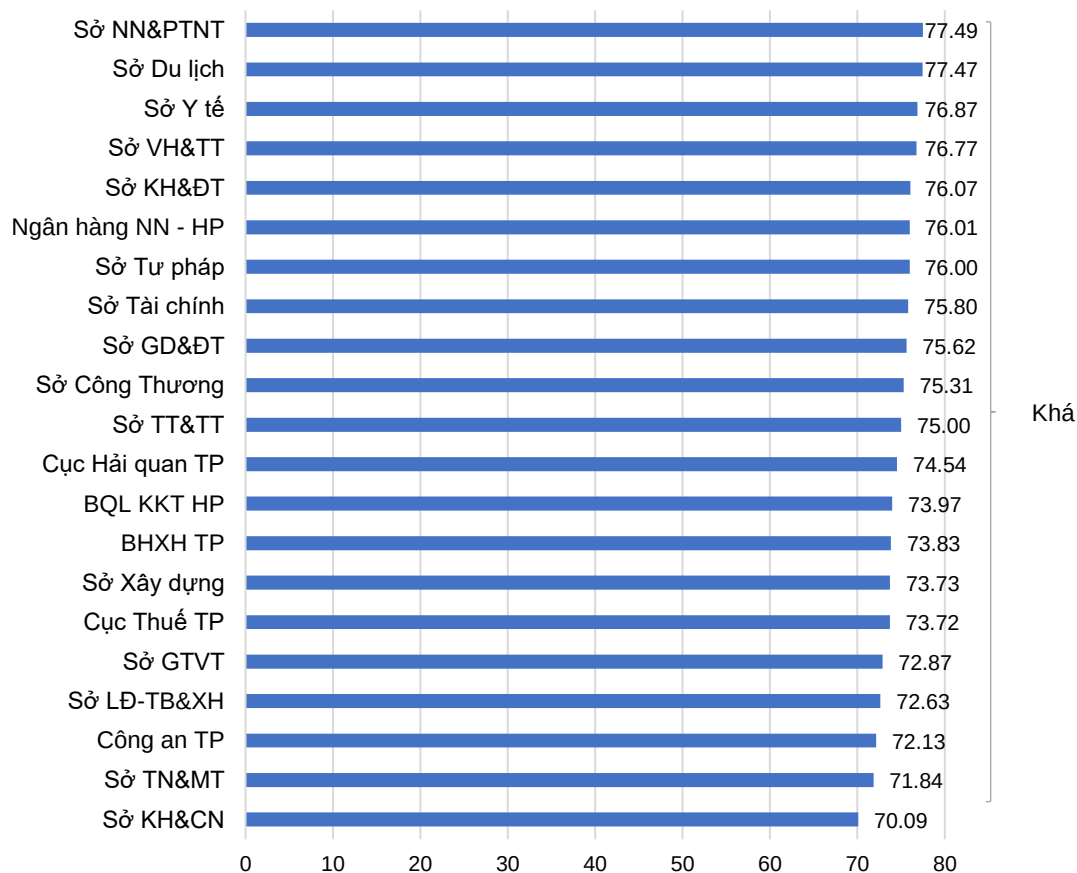
Những chỉ số cần cải thiện trong thời gian tới: gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép, hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD), tính minh bạch và ứng dụng CNTT và tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành.



- Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép: Phần lớn các DN/HTX cho rằng mất nhiều thời gian để tìm hiểu và đi lại nhiều lần để hoàn tất các thủ tục gia nhập thị trường. Đáng lưu ý là tỉ lệ DN/HTX phải mất hơn 7 ngày để tìm hiểu các thông tin, quy trình thủ tục đăng kí hoặc giấy phép đủ điều kiện chiếm tới 23,94%. Ngoài ra, tỉ lệ DN/HTX phải mất từ 1-3 tháng để hoàn tất tất cả các thủ tục trước khi chính thức đi vào hoạt động là 17,41%.
- Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh: Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn DN/HTX đánh giá tính hiệu quả các chương trình hỗ trợ ở mức “bình thường”. Đặc biệt, nhiều DN/HTX cho biết rất ít khi biết và tham gia các chương trình hỗ trợ với tỉ lệ 20,98% DN/HTX cho biết là “không được mời”.
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Phần lớn các DN/HTX đều đánh giá có thể tiếp cận được với các thông tin của các Sở, ban, ngành thuận lợi. Tuy nhiên, với những tài liệu, thông tin không sẵn có mà phải yêu cầu cung cấp, các DN/HTX chưa đánh giá cao việc các Sở, ban, ngành cung cấp kịp thời, hiệu quả.
- Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành: Chỉ tiêu đáng quan ngại là mức độ tham gia đóng góp ý kiến của các DN/HTX về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch triển khai của các Sở, ban, ngành đang rất thấp khi có tới 27,36% DN/HTX “chưa bao giờ” tham gia góp ý kiến.



**Biểu đồ 3.1. DDCI Sở, ban, ngành năm 2020 – Thành phố Hải Phòng
(thang điểm 100)**



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020



3.2. Hồ sơ DDCI cấp Sở, ban, ngành



BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
13
ĐIỂM SỐ
73,97
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,50
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,22
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,51
Chi phí không chính thức	8,34
Cạnh tranh bình đẳng	7,88
Hỗ trợ SXKD	7,06
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,54
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,61

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
14
ĐIỂM SỐ
73,83
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,12
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,90
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,20
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,55
Chi phí không chính thức	8,15
Cạnh tranh bình đẳng	7,76
Hỗ trợ SXKD	6,84
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,37
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,56



CÔNG AN THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
19
ĐIỂM SỐ
72,13
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,75
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,84
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,14
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,25
Chi phí không chính thức	7,86
Cạnh tranh bình đẳng	7,59
Hỗ trợ SXKD	6,63
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,24
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,62

SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
75,31
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,94
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,10
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,38
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,64
Chi phí không chính thức	8,08
Cạnh tranh bình đẳng	7,86
Hỗ trợ SXKD	7,32
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,60
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,86



SỞ DU LỊCH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
77,47
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,60
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,45
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,74
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,84
Chi phí không chính thức	8,14
Cạnh tranh bình đẳng	8,39
Hỗ trợ SXKD	7,43
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,95
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	8,18

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
17
ĐIỂM SỐ
72,87
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,23
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,80
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,08
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,44
Chi phí không chính thức	8,07
Cạnh tranh bình đẳng	7,48
Hỗ trợ SXKD	6,67
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,22
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,59



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
75,62
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,63
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,26
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,43
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,68
Chi phí không chính thức	8,04
Cạnh tranh bình đẳng	8,00
Hỗ trợ SXKD	7,13
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,90
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,99

CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
74,54
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,17
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,17
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,32
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,57
Chi phí không chính thức	7,86
Cạnh tranh bình đẳng	7,74
Hỗ trợ SXKD	6,93
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,54
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,79

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
76,07
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,84
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,19
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,32
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,95
Chi phí không chính thức	8,24
Cạnh tranh bình đẳng	8,23
Hỗ trợ SXKD	6,99
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,66
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	8,04

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
21
ĐIỂM SỐ
70,09
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,44
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,64
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	6,81
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,34
Chi phí không chính thức	7,83
Cạnh tranh bình đẳng	7,33
Hỗ trợ SXKD	6,48
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,08
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,13



SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
18
ĐIỂM SỐ
72,63
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,66
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,84
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,09
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,38
Chi phí không chính thức	7,98
Cạnh tranh bình đẳng	7,65
Hỗ trợ SXKD	6,89
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,35
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,53

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
76,01
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,89
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,26
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,48
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,93
Chi phí không chính thức	8,56
Cạnh tranh bình đẳng	8,01
Hỗ trợ SXKD	6,96
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,64
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,68



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
77,49
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,04
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,15
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,61
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,11
Chi phí không chính thức	8,57
Cạnh tranh bình đẳng	8,11
Hỗ trợ SXKD	7,33
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,97
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,85

SỞ TÀI CHÍNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
75,80
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,11
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,24
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,41
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,71
Chi phí không chính thức	8,32
Cạnh tranh bình đẳng	7,85
Hỗ trợ SXKD	7,09
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,56
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,93



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
20
ĐIỂM SỐ
71,84
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,52
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,69
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,03
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,38
Chi phí không chính thức	7,89
Cạnh tranh bình đẳng	7,5
Hỗ trợ SXKD	6,74
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,39
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,52

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
75,00
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,95
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,95
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,11
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,89
Chi phí không chính thức	8,51
Cạnh tranh bình đẳng	7,97
Hỗ trợ SXKD	6,76
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,68
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,68

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
16
ĐIỂM SỐ
73,72
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,06
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,09
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,24
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,53
Chi phí không chính thức	7,99
Cạnh tranh bình đẳng	7,62
Hỗ trợ SXKD	6,84
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,40
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,58

SỞ TƯ PHÁP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
76,00
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,95
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,04
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,56
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,80
Chi phí không chính thức	8,15
Cạnh tranh bình đẳng	7,67
Hỗ trợ SXKD	7,33
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,89
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	8,01



SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
76,77
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,01
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,40
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,30
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,82
Chi phí không chính thức	8,23
Cạnh tranh bình đẳng	8,11
Hỗ trợ SXKD	7,41
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,78
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	8,03

SỞ XÂY DỰNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
15
ĐIỂM SỐ
73,73
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,96
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,98
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,09
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,67
Chi phí không chính thức	8,04
Cạnh tranh bình đẳng	7,64
Hỗ trợ SXKD	6,91
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	7,46
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,61



SỞ Y TẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
76,87
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,86
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,23
Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành	7,51
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,85
Chi phí không chính thức	8,42
Cạnh tranh bình đẳng	8,01
Hỗ trợ SXKD	7,28
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	8,07
Vai trò của người đứng đầu tại Sở, ban, ngành	7,95



DDCI 2020

NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH



74,66

Điểm số DDCI 2020
trung bình Sở, ban, ngành

77,49



Sở NN
& PTNT

70,09



Sở KH&CN

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

Chi phí không chính thức là
chỉ số đạt điểm **cao nhất**



8,16
Điểm



Hỗ trợ sản xuất kinh doanh
(7,0 điểm)

20,98% DN/HTX cho biết là
“không được mời” tham gia các
chương trình hỗ trợ



Gia nhập thị trường và hoạt
động cấp phép (6,87 điểm)

81,07% DN/HTX đánh giá chi
phí không chính thức có xu thế giảm

17,41% DN/HTX phải mất từ 1-3
tháng để hoàn tất tất cả các thủ tục
trước khi chính thức đi vào hoạt động

CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương

Biểu đồ 3.1 thể hiện điểm số và thứ hạng của các địa phương theo thang điểm 100. Hình 3.1 minh họa bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế của DDCI cấp địa phương tại Hải Phòng. Cụ thể theo thang điểm 100, điểm số của các địa phương được phân nhóm như sau:

- ❖ Nhóm “tốt” là những địa phương có điểm số từ 80,00 điểm trở lên. Kết quả DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2020 ghi nhận 3 địa phương nằm trong nhóm điều hành “tốt”. Trong đó, huyện Bạch Long Vĩ đã trở thành địa phương dẫn đầu bảng xếp hạng với 88,63 điểm. Đứng thứ hai trong bảng xếp hạng là huyện Cát Hải với 83,03 điểm. Huyện Tiên Lãng ở vị trí thứ 3 với 81,88 điểm là địa phương cuối cùng thuộc nhóm “tốt”.
- ❖ Nhóm “khá” là những địa phương có địa phương có điểm số từ 70,00 tới dưới 80,00 điểm, bao gồm 12 địa phương còn lại là: huyện An Lão đứng ở vị trí thứ tư tiệm cận rất gần với thang điểm “tốt” với 79,68 điểm. Tiếp theo ngay sau cũng với chênh lệch không quá lớn là quận Đồ Sơn với 78,55 điểm và huyện Thủy Nguyên đứng thứ 6 với 77,83 điểm. Quận Lê Chân đứng ở vị trí thứ 7 với 75,66 điểm. Hai vị trí tiếp theo thứ 8 và 9 là huyện An Dương với 74,62 điểm và quận Hải An với 74,22. Cùng ở mức điểm 73 điểm là 4 địa phương với chênh lệch không quá lớn là các quận, huyện: Vĩnh Bảo (73,73 điểm), Kiến An (73,49 điểm), Dương Kinh (73,39 điểm) và Ngô Quyền (73,36 điểm). Huyện Kiến Thụy đạt 72,36 đứng thứ 14/15 địa phương và ở vị trí cuối bảng là quận Hồng Bàng với 72,12 điểm.

Xét một cách tổng thể, cách biệt giữa địa phương đứng đầu bảng xếp hạng và cuối bảng xếp hạng là 16,51 điểm, cho thấy sự chênh lệch khá lớn trong đánh giá của các HKD với các địa phương. Trong khi đó, khoảng cách điểm số giữa các địa phương thuộc nhóm “khá” tương đối sát sao, cho thấy sự đồng đều trong quá trình điều hành nói chung ở nhóm này. Mặc dù vậy, vẫn cần có động lực cải cách mạnh mẽ hơn nữa từ các địa phương để có thể vươn lên trong bảng xếp hạng, tiến vào nhóm điều hành “tốt” với điểm số cải thiện hơn.

Điểm số trung bình DDCI cấp địa phương của toàn thành phố năm 2020 là 76,84 điểm, ở thang điểm “khá” do phần lớn các địa phương thuộc nhóm điểm này. Trong 10 CSTP, nhóm chỉ số đạt điểm “tốt” gồm chi phí không chính thức đạt 8,47 điểm, vai trò của người đứng đầu đầu đạt 8,08 điểm, hiệu quả thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đạt 8,06 điểm và cạnh tranh bình đẳng đạt 8,04 điểm. Chiều ngược lại là nhóm chỉ số chưa được đánh giá tốt là hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD) chỉ đạt 6,96 điểm và chỉ số thấp điểm nhất là tính minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT chỉ đạt 6,94 điểm.



Các điểm chính trong công tác điều hành kinh tế ở các địa phương

Những chỉ số đạt kết quả tốt: Khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương ghi nhận một số lĩnh vực được đánh giá tốt như chi phí không chính thức, vai trò người đứng đầu, hiệu quả thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự, cạnh tranh bình đẳng, tiếp cận đất đai và chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật.

- Chi phí không chính thức: Khảo sát cho thấy mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở các địa phương qua phản ánh của các HKD ở mức thấp. Chi phí này cũng có xu thế giảm với tỉ lệ HKD đánh giá giảm là 84,99%.
- Vai trò của người đứng đầu: Phần lớn các HKD đều đồng ý về các nhận định lãnh đạo tại các địa phương đã chủ động, tích cực trong công tác điều hành, lắng nghe và có hành động cụ thể giải quyết các khó khăn, vướng mắc cũng như tham gia vào hoạt động đối thoại.
- Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (ANTT): Tỉ lệ các HKD đánh giá về tính hiệu quả thực hiện chính sách, văn bản pháp luật do UBND các quận, huyện đạt 75,72%. Bên cạnh đó, tình hình an ninh trật tự ở các địa phương cũng được đánh giá là đảm bảo, góp phần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cạnh tranh bình đẳng: Phần lớn các HKD tham gia trả lời khảo sát đồng tình cao về việc chính quyền địa phương đối xử công bằng, không phân biệt giữa các đối tượng kinh tế trong việc tiếp cận với các nguồn lực, cơ hội kinh doanh.
- Tiếp cận đất đai: Mặc dù có tới 92,48% các HKD đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi, giải tỏa là “thấp” và “rất thấp” nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn, rào cản trong việc tiếp cận đất đai một cách thuận lợi, đặc biệt là việc tiếp cận các khu đất mới, khu quy hoạch hoặc khu công nghiệp.
- Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật: Chất lượng cung cấp các dịch vụ công được cải thiện với những nỗ lực, sáng kiến cùng với đó là thái độ, chuyên môn của đội ngũ cán bộ cũng được đánh giá tốt. Tuy nhiên, việc cắt giảm chi phí thời gian vẫn chưa đáp ứng được kì vọng của các HKD khi 51,58% HKD cho rằng chi phí thời gian bỏ ra ở mức “bình thường, hợp lý”.

Những chỉ số cần cải thiện trong thời gian tới: tính minh bạch và ứng dụng CNTT, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép và tính năng động của chính quyền địa phương.

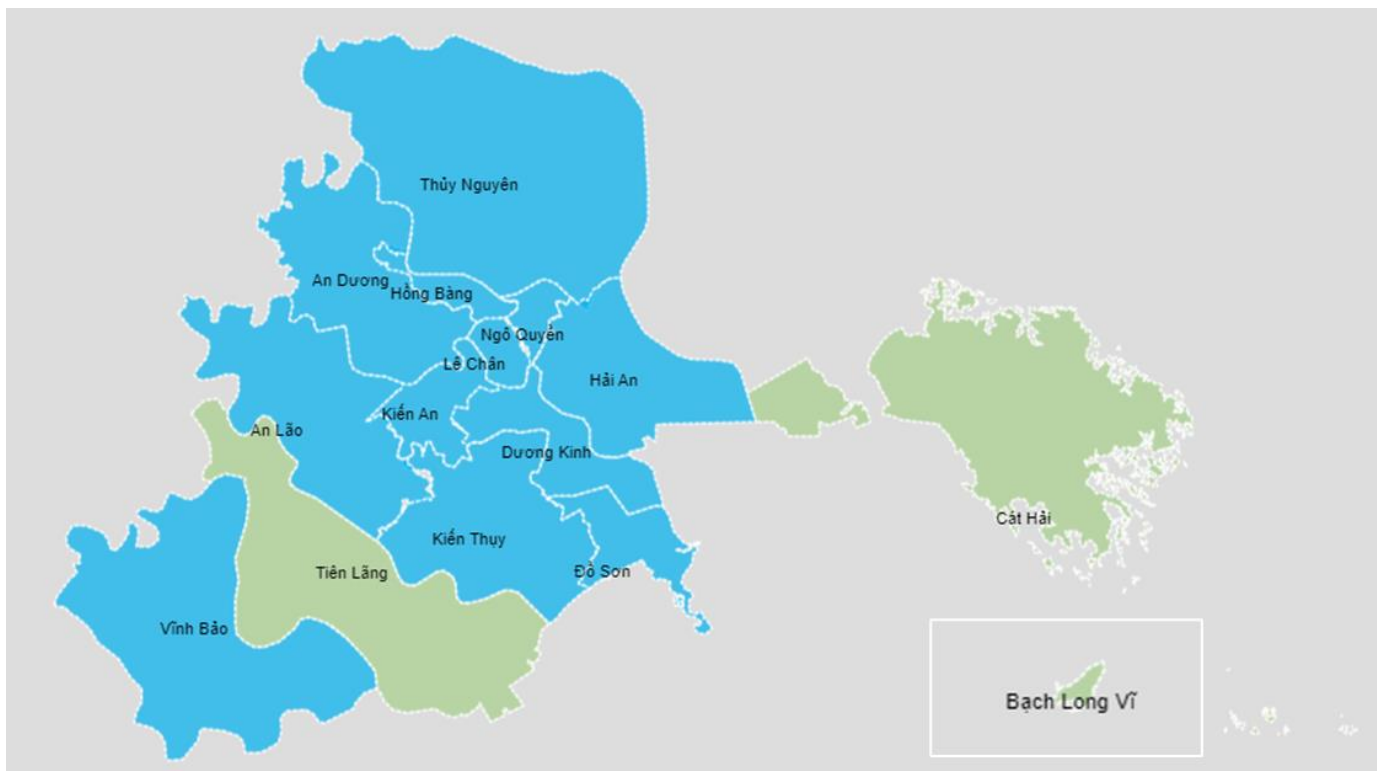
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Nhìn chung phản ánh của các HKD đều ghi nhận chủ yếu ở mức “bình thường”. Đáng lưu ý là 19,62% HKD phản ánh rằng thông tin trên trang web của các địa phương chưa có nhiều hữu ích cho họ và chỉ có 5,99% HKD thực hiện các TTHC và thanh toán trên môi trường mạng trực tuyến.



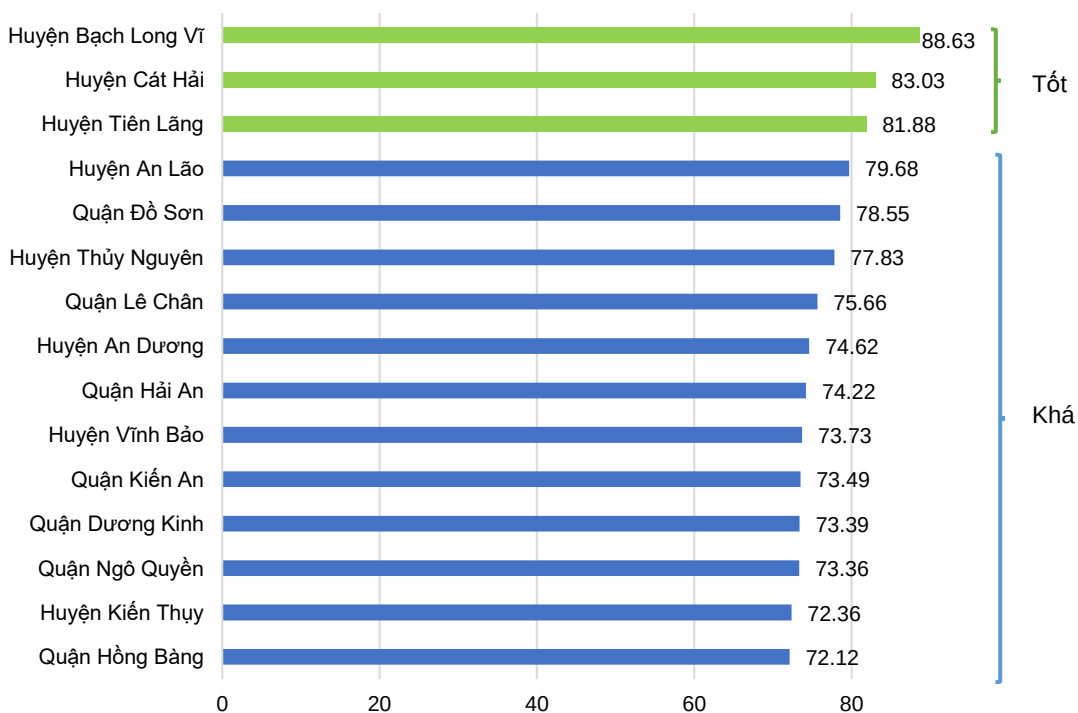
- Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh: Kết quả khảo sát cho thấy các HKD phần lớn đánh giá tính hiệu quả các chương trình hỗ trợ ở mức “bình thường” và một số chương trình hỗ trợ cần cải thiện nhiều trong thời gian tới như hỗ trợ khởi sự kinh doanh, xúc tiến thương mại.
- Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép: Đáng lưu ý là tỉ lệ HKD phải mất hơn 5 ngày để tìm hiểu các thông tin, quy trình thủ tục đăng kí hoặc các loại giấy phép đủ điều kiện tương đối cao khi ghi nhận ý kiến của 30,14% HKD. Ngoài ra, tỉ lệ HKD phải mất hơn 15 ngày để hoàn tất tất cả các thủ tục trước khi chính thức đi vào hoạt động là 9,55%.
- Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương: Chỉ tiêu đáng quan ngại là mức độ tham gia đóng góp ý kiến của các HKD về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch triển khai của quận/huyện, phường/xã, ngành đang rất thấp khi có tới 37,65% HKD “chưa bao giờ” tham gia góp ý kiến.



Hình 4.1. Bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế theo DDCI 2020



**Biểu đồ 4.1. Thứ hạng và điểm số DDCI cấp địa phương năm 2020
(theo thang điểm 100)**



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020



4.2. Hồ sơ DDCI cấp địa phương



HUYỆN AN DƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
74,62
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,16
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	5,95
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,48
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,69
Chi phí không chính thức	8,44
Cạnh tranh bình đẳng	7,81
Hỗ trợ SXKD	6,58
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,11
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,10
Tiếp cận đất đai	7,30

HUYỆN AN LÃO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
79,68
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,14
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,54
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,02
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,86
Chi phí không chính thức	8,32
Cạnh tranh bình đẳng	8,53
Hỗ trợ SXKD	7,45
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,26
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,62
Tiếp cận đất đai	7,94

HUYỆN BẠCH LONG VĨ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
88,63
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,63
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,04
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,48
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,80
Chi phí không chính thức	9,29
Cạnh tranh bình đẳng	9,92
Hỗ trợ SXKD	7,74
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	9,98
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	9,93
Tiếp cận đất đai	9,82

HUYỆN CÁT HẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
83,03
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,90
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,93
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,84
Chi phí không chính thức	8,72
Cạnh tranh bình đẳng	9,24
Hỗ trợ SXKD	7,63
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,96
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,77
Tiếp cận đất đai	8,13

QUẬN DƯƠNG KINH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
73,39
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,97
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,95
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,11
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,54
Chi phí không chính thức	8,05
Cạnh tranh bình đẳng	7,86
Hỗ trợ SXKD	6,44
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,95
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,42
Tiếp cận đất đai	7,10

QUẬN ĐỒ SƠN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
78,55
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,75
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,21
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,61
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,99
Chi phí không chính thức	9,02
Cạnh tranh bình đẳng	8,03
Hỗ trợ SXKD	7,73
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,06
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,12
Tiếp cận đất đai	8,03

QUẬN HẢI AN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
74,22
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,51
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,82
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,25
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,58
Chi phí không chính thức	8,14
Cạnh tranh bình đẳng	7,58
Hỗ trợ SXKD	6,64
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,49
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,63
Tiếp cận đất đai	7,58

QUẬN HỒNG BÀNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
15
ĐIỂM SỐ
72,12
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,12
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,62
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,93
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,20
Chi phí không chính thức	8,34
Cạnh tranh bình đẳng	7,58
Hỗ trợ SXKD	6,19
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,38
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,53
Tiếp cận đất đai	7,23

QUẬN KIẾN AN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
73,49
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,86
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,25
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,17
Chi phí không chính thức	7,90
Cạnh tranh bình đẳng	7,30
Hỗ trợ SXKD	6,50
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,80
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,09
Tiếp cận đất đai	7,71

HUYỆN KIẾN THỤY

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
14
ĐIỂM SỐ
72,36
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	6,94
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,64
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,89
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,27
Chi phí không chính thức	8,47
Cạnh tranh bình đẳng	7,48
Hỗ trợ SXKD	5,95
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,54
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,59
Tiếp cận đất đai	7,59

QUẬN LÊ CHÂN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
75,66
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,40
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,85
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,17
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,53
Chi phí không chính thức	8,26
Cạnh tranh bình đẳng	7,75
Hỗ trợ SXKD	6,95
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,88
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,98
Tiếp cận đất đai	7,89

QUẬN NGŨ QUYỀN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
13
ĐIỂM SỐ
73,36
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,03
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,99
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,29
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,29
Chi phí không chính thức	7,60
Cạnh tranh bình đẳng	7,62
Hỗ trợ SXKD	6,81
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,58
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,67
Tiếp cận đất đai	7,48

HUYỆN THỦY NGUYÊN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
77,83
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,69
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,23
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,39
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,04
Chi phí không chính thức	8,97
Cạnh tranh bình đẳng	7,86
Hỗ trợ SXKD	7,32
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,10
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,68
Tiếp cận đất đai	7,55

HUYỆN TIỀN LÃNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
81,88
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,61
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,69
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,10
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,34
Chi phí không chính thức	9,06
Cạnh tranh bình đẳng	8,32
Hỗ trợ SXKD	7,66
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	8,17
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	8,45
Tiếp cận đất đai	8,48

HUYỆN VĨNH BẢO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
73,73
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số
Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	7,01
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,76
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,03
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,33
Chi phí không chính thức	8,46
Cạnh tranh bình đẳng	7,73
Hỗ trợ SXKD	6,81
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lí và ANTT	7,57
Vai trò của người đứng đầu tại địa phương	7,70
Tiếp cận đất đai	7,33

DDCI 2020

NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG



76,84

Điểm số DDCI 2020
trung bình địa phương



Chi phí không chính thức
là chỉ số **đạt điểm cao nhất**
8,47 điểm

84,99%

HKD đánh giá chi phí
không chính thức có xu
thế giảm



Hiệu quả các chương
trình hỗ trợ ở mức
“bình thường”

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

Hỗ trợ SXKD

Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT

5,99% HKD thực hiện
TTHC và thanh toán trên
môi trường mạng





ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



DDCI
HẢI PHÒNG

<https://haiphong.ddci.org.vn/>



economica

P805, số 27 Trần Duy Hưng, Trung Hòa,
Cầu Giấy, Hà Nội
Mail: contact@economica.vn
Tel: +84 24.667.22057

© Economica Vietnam 2021